

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá
trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28/8/2001;
Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ;
Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật về phí và lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính;
Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Nghị quyết số 11/2007/NQ-HĐND ngày 16/7/2007 của HĐND tỉnh Lào Cai khoá XIII - Kỳ họp thứ 9 phê chuẩn phương án sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và ban hành mới một số loại phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Lào Cai;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định khoản phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

1. Tên phí: Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất.

2. Mục đích thu phí: Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất là khoản thu để bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí thực hiện công việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất và công tác thu phí.

3. Đối tượng nộp: Các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động liên quan đến việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất.

4. Cơ quan thu phí:

- Sở Tài nguyên & Môi trường;
- Phòng Tài nguyên & Môi trường các huyện, thành phố.

5. Mức thu phí:

STT	Nội dung	Mức thu (đồng/1 báo cáo)
1	Đối với báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu	200.000

	lượng nước dưới 200m ³ /ngày đêm	
2	Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200m ³ đến dưới 500m ³ /ngày đêm	700.000
3	Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500m ³ đến dưới 1.000m ³ /ngày đêm	1.700.000
4	Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000m ³ đến dưới 3.000m ³ /ngày đêm	3.000.000

Trường hợp thăm định gia hạn, bổ sung mức thu phí bằng 50% mức thu quy định nêu trên.

6. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí:

- Cơ quan thu phí được trích 20% trên tổng số tiền phí thực thu để trang trải chi phí thực hiện công tác thăm định và thu phí theo chế độ quy định. Nội dung chi thực hiện theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006; sau khi quyết toán đúng chế độ, số tiền phí chưa chi hết trong năm được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định. Số tiền còn lại 80% cơ quan thu phí nộp vào ngân sách nhà nước theo chương, loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng của mục lục ngân sách hiện hành.

- Chứng từ thu phí; Thực hiện theo Quyết định số 85/2005/QĐ-BTC ngày 30/11/2005 của Bộ Tài chính về việc in, phát hành và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí và lệ phí.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính, Sở Tài nguyên & Môi trường, Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH
(đã ký)
Nguyễn Hữu Vạn